

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020  
(đã được soát xét)

M.S.D.

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-30
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-30

10/10  
TRAC  
HA  
10/10

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Hồng Sơn	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Tuyên	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên
Ông Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Toàn	Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Đoàn Kim Anh	Thành viên
Ông Đoàn Duy Thái	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Giác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Anh Toàn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2020





Số: 070820.001/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 05 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2020

T: (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		63.488.290.823	58.929.266.143
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	38.500.458.340	32.429.920.460
111	1. Tiền		38.500.458.340	32.429.920.460
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	22.600.000.000	22.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.600.000.000	22.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.050.416.918	3.340.603.346
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.499.805.336	558.599.800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	40.700.000	2.041.301.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	509.911.582	740.702.546
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		337.415.565	558.742.337
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	337.415.565	558.742.337
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		67.908.490.587	70.918.313.358
220	II. Tài sản cố định		67.076.455.921	69.625.400.146
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	66.647.380.651	69.185.725.168
222	- Nguyên giá		176.417.713.383	173.294.356.716
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(109.770.332.732)	(104.108.631.548)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	429.075.270	439.674.978
228	- Nguyên giá		2.459.888.682	2.309.888.682
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.030.813.412)	(1.870.213.704)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	832.034.666	1.292.913.212
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		832.034.666	1.292.913.212
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>131.396.781.410</b>	<b>129.847.579.501</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>25.869.859.073</b>	<b>15.755.490.739</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>25.869.859.073</b>	<b>15.755.490.739</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	3.027.497.038	3.603.648.683
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.850.000	20.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.096.221.144	1.577.465.436
314	4. Phải trả người lao động		8.552.895.951	8.527.912.655
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		744.149.402	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	551.909.094	536.019.088
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	8.217.299.765	467.755.150
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.677.036.679	1.042.669.727
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>105.526.922.337</b>	<b>114.092.088.762</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>105.526.922.337</b>	<b>114.092.088.762</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.380.000.000	6.380.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.131.292.963	12.696.459.388
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		2.746.706.010	230.391.965
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		1.384.586.953	12.466.067.423
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>131.396.781.410</b>	<b>129.847.579.501</b>

*Xoan*

Vũ Thị Loan  
Người lập

Thạch Thị Kim Nga  
Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Toàn  
Giám đốc



Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	55.476.966.099	71.848.949.273
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.476.966.099	71.848.949.273
11	4. Giá vốn hàng bán	19	48.839.241.305	57.706.818.186
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.637.724.794	14.142.131.087
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	832.792.562	768.838.579
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.213.796.979	4.882.119.737
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.256.720.377	10.028.849.929
31	11. Thu nhập khác	22	2.013.314	4.015.924
32	12. Chi phí khác	23	-	101.263.613
40	13. Lợi nhuận khác		2.013.314	(97.247.689)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.258.733.691	9.931.602.240
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác		1.528.000.000	1.528.000.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Công ty		1.730.733.691	8.403.602.240
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	346.146.738	1.680.720.441
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.384.586.953</u>	<u>6.722.881.799</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	146	708

*Loan*

Vũ Thị Loan  
Người lập

*Thạch Thị Kim Nga*

Thạch Thị Kim Nga  
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Toàn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2020



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.258.733.691	9.931.602.240
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.822.300.892	6.541.666.578
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(832.792.562)	(768.838.579)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.248.242.021	15.704.430.239
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.285.186.428	(1.227.022.441)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.125.527.607	(320.501.944)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		221.326.772	(140.287.753)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.119.672.963)	(2.149.731.247)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.715.386.426)	(1.959.211.246)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.045.223.439	9.907.675.608
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.812.478.121)	(1.165.232.818)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.000.000.000)	(22.600.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	22.600.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		837.792.562	770.405.701
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.974.685.559)	(394.827.117)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(7.077.828.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(7.077.828.700)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.070.537.880	2.435.019.791
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.429.920.460	28.192.324.306
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	38.500.458.340	30.627.344.097

*Loan*

Vũ Thị Loan  
 Người lập

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2020

*Ng*  
 Thạch Thị Kim Nga  
 Kế toán trưởng



*HT*  
 Nguyễn Anh Toàn  
 Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 05 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ bến đỗ xe.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

#### Cấu trúc doanh nghiệp

##### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Bến xe phía Bắc - Bến xe Gia Lâm	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe
- Bến xe phía Tây - Bến xe Mỹ Đình	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe
- Bến xe phía Nam - Bến xe Giáp Bát	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

## 2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## 2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

## 2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội về việc hợp tác cho thuê bãi đỗ xe Mỹ Đình (khu mở rộng). Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng.

### 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

### 2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận.

## 2.16 . Doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.17 . Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

### 2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020. Trường hợp Công ty huy động xe của các đơn vị không phải là doanh nghiệp vận tải kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ để phục vụ cho việc hỗ trợ, giải quyết nhu cầu vận tải hành khách lúc cao điểm trong các dịp lễ, Tết... thì Công ty nộp thuế TNDN thay cho các đối tượng đó như trường hợp cơ sở kinh doanh và đơn vị sự nghiệp xác định được đúng doanh thu nhưng không có đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào để xác định được chi phí với mức thuế suất thuế TNDN là 2% trên doanh thu cung cấp dịch vụ.

### 2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### 2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.21 . Thông tin bộ phận

Trong kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020, toàn bộ doanh thu của Công ty là từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	347.071.676	363.295.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.594.132.778	31.568.222.748
Tiền đang chuyển	559.253.886	498.402.212
	<u>38.500.458.340</u>	<u>32.429.920.460</u>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-
	<u>22.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>22.600.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hoàn Kiếm với lãi suất từ 5,8% /năm đến 6,2%/năm.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	91.800.000	-	94.782.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu - Chi nhánh Tổng công ty Vận tải Hà Nội	295.175.000	-	151.469.000	-
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	276.831.000	-	136.107.000	-
Công ty Cổ phần xe khách Bắc Giang	168.472.000	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	667.527.336	-	176.241.800	-
	<u>1.499.805.336</u>	<u>-</u>	<u>558.599.800</u>	<u>-</u>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<u>797.151.600</u>	<u>-</u>	<u>453.383.600</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Futech	-	-	562.890.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ THG	-	-	655.381.000	-
Công ty TNHH Xây dựng VINLIFE số 1	-	-	670.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ quản lý Bất động sản Homcare	40.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn xây dựng Việt Nam	700.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	-	-	153.030.000	-
	<b>40.700.000</b>	<b>-</b>	<b>2.041.301.000</b>	<b>-</b>

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	390.000.000	-	395.000.000	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	-	-	10.545.026	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	4.737.429	-	-	-
Tạm ứng	86.200.000	-	294.000.000	-
Phải thu khác	28.974.153	-	41.157.520	-
	<b>509.911.582</b>	<b>-</b>	<b>740.702.546</b>	<b>-</b>

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>832.034.666</b>	<b>945.489.212</b>
- Dự án bãi đỗ xe tải Phía Nam (1)	635.956.364	635.956.364
- Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình (2)	196.078.302	196.078.302
- Xây dựng mái che công vào Bến xe Mỹ Đình	-	52.181.818
- Hệ thống mái che sân trả khách Bến xe Gia Lâm	-	61.272.728
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>-</b>	<b>347.424.000</b>
- Giải pháp quản lý tập trung - Trung tâm điều hành	-	347.424.000
	<u><b>832.034.666</b></u>	<u><b>1.292.913.212</b></u>

(1): Dự án xây dựng bãi đỗ xe trong phân khu S5 huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Đến thời điểm 30/06/2020, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế bãi đỗ xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2756/UBND-DT ngày 19/06/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về việc yêu cầu Công ty tập trung nguồn lực để tiếp tục triển khai giai đoạn 1, chấm dứt nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2 của dự án và lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngày 14/03/2019, Công ty đã gửi công văn số 132/CPBX cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội báo cáo về thông tin, tình hình triển khai và tiến độ thực hiện dự án để xin ý kiến chỉ đạo về dự án này.

(2): Dự án xây dựng nhà để xe đa năng ở bến xe Mỹ Đình. Đến thời điểm 30/06/2020, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế nhà để xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2209/QHKT-TMB-PAKT-P1 ngày 19/04/2018 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận tổng mặt bằng phương án kiến trúc của dự án.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	153.516.074.054	1.723.247.274	6.385.806.609	11.669.228.779	173.294.356.716
- Mua trong kỳ	2.396.800.621	-	-	265.677.500	2.662.478.121
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	113.454.546	347.424.000	-	-	460.878.546
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>156.026.329.221</b>	<b>2.070.671.274</b>	<b>6.385.806.609</b>	<b>11.934.906.279</b>	<b>176.417.713.383</b>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	90.724.585.900	1.512.447.340	3.411.461.630	8.460.136.678	104.108.631.548
- Khấu hao trong kỳ	4.314.028.426	37.063.832	358.998.587	951.610.339	5.661.701.184
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>95.038.614.326</b>	<b>1.549.511.172</b>	<b>3.770.460.217</b>	<b>9.411.747.017</b>	<b>109.770.332.732</b>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	62.791.488.154	210.799.934	2.974.344.979	3.209.092.101	69.185.725.168
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>60.987.714.895</b>	<b>521.160.102</b>	<b>2.615.346.392</b>	<b>2.523.159.262</b>	<b>66.647.380.651</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.092.981.452 đồng.



10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	2.309.888.682
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	150.000.000
Số dư cuối kỳ	<u>2.459.888.682</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.870.213.704
- Khấu hao trong kỳ	160.599.708
Số dư cuối kỳ	<u>2.030.813.412</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	439.674.978
Tại ngày cuối kỳ	<u>429.075.270</u>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.386.920.000 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	337.415.565	558.742.337
	<u>337.415.565</u>	<u>558.742.337</u>

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Nam Thái	311.171.000	311.171.000	207.013.000	207.013.000
Công ty Cổ phần TPO	-	-	574.126.000	574.126.000
Công ty TNHH Hoàn Mỹ	441.731.400	441.731.400	196.927.500	196.927.500
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ THG	312.439.000	312.439.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.962.155.638	1.962.155.638	2.625.582.183	2.625.582.183
	<u>3.027.497.038</u>	<u>3.027.497.038</u>	<u>3.603.648.683</u>	<u>3.603.648.683</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>56.100.000</u>	-	<u>11.000.000</u>	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	385.042.743	3.870.558.154	2.361.670.367	-	1.893.930.530
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.119.672.963	346.208.920	1.119.672.963	-	346.208.920
Thuế Thu nhập cá nhân	-	72.749.730	47.757.384	72.033.725	-	48.473.389
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	1.163.834.415	356.226.110	-	807.608.305
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	-	<b>1.577.465.436</b>	<b>5.434.358.873</b>	<b>3.915.603.165</b>	-	<b>3.096.221.144</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	551.134.549	533.900.906
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	774.545	2.118.182
	<u><b>551.909.094</b></u>	<u><b>536.019.088</b></u>

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	221.836.618	100.318.300
- Bảo hiểm xã hội	-	2.825.287
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	70.000.000	54.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.901.334.020	301.334.020
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	24.129.127	9.277.543
	<u><b>8.217.299.765</b></u>	<u><b>467.755.150</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000	15.629.374	15.629.374	4.180.000.000	12.212.102.791	111.407.732.165			
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	6.722.881.799	6.722.881.799			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.200.000.000	(12.212.102.791)	(10.012.102.791)			
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>15.629.374</b>	<b>15.629.374</b>	<b>6.380.000.000</b>	<b>6.722.881.799</b>	<b>108.118.511.173</b>			
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	15.629.374	15.629.374	6.380.000.000	12.696.459.388	114.092.088.762			
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	1.384.586.953	1.384.586.953			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(9.949.753.378)	(9.949.753.378)			
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>15.629.374</b>	<b>15.629.374</b>	<b>6.380.000.000</b>	<b>4.131.292.963</b>	<b>105.526.922.337</b>			

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 183/NQ/ĐHCD ngày 23 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND
Trích thưởng cho HĐQT, BKS	12.696.459.388
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	124.790.625
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ)	2.224.962.753
Lợi nhuận chưa phân phối	7.600.000.000
	2.746.706.010



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	67,06%	63.704.000.000	67,06%	63.704.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển	16,36%	15.538.440.000	16,36%	15.538.440.000
Các cổ đông khác	16,59%	15.757.560.000	16,59%	15.757.560.000
	<b>100%</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>95.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>95.000.000.000</u>	<u>95.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>95.000.000.000</u>	<u>95.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	301.334.020	213.924.520
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	7.600.000.000	7.600.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	7.600.000.000	7.600.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	-	(7.077.828.700)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	(7.077.828.700)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>7.901.334.020</u>	<u>736.095.820</u>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.380.000.000	6.380.000.000
	<b>6.380.000.000</b>	<b>6.380.000.000</b>

**17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2020, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
- Từ 1 năm trở xuống	551.909.094	536.019.088
	<b>551.909.094</b>	<b>536.019.088</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**b) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 20 Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm; Số 9 Ngô Gia Khâm, Quận Long Biên và lô đất tại Bến xe Giáp Bát, Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng và vận hành các bến xe. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu về cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi	46.030.855.151	60.316.718.191
Doanh thu về cung cấp dịch vụ khác	9.446.110.948	11.532.231.082
	<b>55.476.966.099</b>	<b>71.848.949.273</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)</i>	<b>2.667.069.084</b>	<b>3.085.471.636</b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ cho thuê bến bãi đã cung cấp	39.039.994.305	47.971.818.186
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	9.799.247.000	9.735.000.000
	<b>48.839.241.305</b>	<b>57.706.818.186</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	832.792.562	768.838.579
	<b>832.792.562</b>	<b>768.838.579</b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.005.459.008	3.917.115.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	607.715.718	635.248.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.669.439	111.071.898
Chi phí khác bằng tiền	355.952.814	218.683.692
	<b>4.213.796.979</b>	<b>4.882.119.737</b>

**22 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tiền phạt thu được	2.000.000	4.000.000
Thu nhập khác	13.314	15.924
	<b>2.013.314</b>	<b>4.015.924</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**23 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	97.327.613
Chi phí khác	-	3.936.000
	<u>-</u>	<u>101.263.613</u>

**24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.730.733.691	8.403.602.240
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.730.733.691	8.403.602.240
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b><u>346.146.738</u></b>	<b><u>1.680.720.441</u></b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp xe tăng cường (2%)	62.182	36.364
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.119.672.963	503.240.934
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.119.672.963)	(2.149.731.247)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b><u>346.208.920</u></b>	<b><u>34.266.492</u></b>

**25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.384.586.953	6.722.881.799
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.384.586.953	6.722.881.799
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>146</u></b>	<b><u>708</u></b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	26.285.538.519	30.641.837.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.822.300.892	6.541.666.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.760.665.659	13.272.265.881
Chi phí khác bằng tiền	10.184.533.214	12.133.167.608
	<b><u>53.053.038.284</u></b>	<b><u>62.588.937.923</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.500.458.340	-	32.429.920.460	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.009.716.918	-	1.299.302.346	-
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	22.600.000.000	-
	<b>63.110.175.258</b>	<b>-</b>	<b>56.329.222.806</b>	<b>-</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			11.244.796.803	4.071.403.833
Chi phí phải trả			744.149.402	-
			<b>11.988.946.205</b>	<b>4.071.403.833</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.500.458.340	-	-	38.500.458.340
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.009.716.918	-	-	2.009.716.918
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	<b>63.110.175.258</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>63.110.175.258</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.429.920.460	-	-	32.429.920.460
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.299.302.346	-	-	1.299.302.346
Các khoản cho vay	22.600.000.000	-	-	22.600.000.000
	<b>56.329.222.806</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>56.329.222.806</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	11.244.796.803	-	-	11.244.796.803
Chi phí phải trả	744.149.402	-	-	744.149.402
	<b>11.988.946.205</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.988.946.205</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	4.071.403.833	-	-	4.071.403.833
	<b>4.071.403.833</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.071.403.833</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ
Trung tâm Tân Đạt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Trung tâm Điều hành xe buýt	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	Cổ đông lớn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>2.667.069.084</b>	<b>3.085.471.636</b>
Trung tâm Tân Đạt	68.399.998	202.282.545
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	143.770.909	294.898.182
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	213.046.365	52.584.545
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	172.227.272	105.587.091
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	593.623.638	712.620.000
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	664.899.993	787.316.364
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	362.785.453	179.316.909
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	399.312.729	485.267.273
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	-	207.147.818
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	47.757.273	58.450.909
Trung tâm Điều hành xe buýt	1.245.454	



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Giao dịch phát sinh trong kỳ (tiếp theo):

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>	<b>89.969.925</b>	<b>339.705.629</b>
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	-	254.545.454
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	-	76.705.629
Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội	6.215.379	-
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	67.390.909	-
Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	16.363.637	8.454.546
<b>Cho vay</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	5.000.000.000	-
<b>Phân chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh</b>	<b>1.528.000.000</b>	<b>1.528.000.000</b>
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ	1.528.000.000	1.528.000.000
<b>Trả cổ tức</b>	<b>5.096.320.000</b>	<b>5.096.320.000</b>
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	5.096.320.000	5.096.320.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>797.151.600</b>	<b>453.383.600</b>
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	35.331.000	32.666.000
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	9.765.000	9.801.000
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	276.831.000	136.107.000
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	295.175.000	151.469.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	16.899.600	17.398.600
Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội	91.800.000	94.782.000
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	10.800.000	11.160.000
Trung tâm Tân Đát	15.000.000	-
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	45.550.000	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>56.100.000</b>	<b>11.000.000</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Newway	56.100.000	11.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	151.171.000	253.820.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	110.900.000	675.440.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI**

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**30 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.



**Vũ Thị Loan**  
Người lập



**Thạch Thị Kim Nga**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Anh Toàn**  
Giám đốc

*Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2020*

